

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày: 29-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tòng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào;
2. Ông Trần Hữu Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ba Thị Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị N (tên gọi khác: L), sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh P, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp T, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 18-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án Chị Hà Thị N trình bày:***

Ngày 23-6-2020 Anh Trần Thanh P đến nhà chị vay số tiền 197.000.000 đồng; khi vay mẫu giấy mượn tiền của chị đánh máy, phần trống do anh P tự viết và ký tên. Anh P nói vay tiền trả cho Ngân hàng trong vòng 01 tuần trả lại, nhưng anh P viết vào giấy mượn tiền là 01 tháng. Sau khi đến hạn chị đòi nhiều lần nhưng anh P không trả, cố tình lánh mặt kéo dài cho đến nay. Chị yêu cầu anh P trả số tiền nợ gốc là 197.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 23-6-2020 đến khi Tòa án xét xử. Quá trình vay tiền chỉ có chị và anh P; khi anh P không trả tiền chồng chị có đến nhà đòi nhiều lần thì gặp vợ anh P là chị Ngô

Kim N1, khi đó chị N1 mới biết sự việc; nên chị không yêu cầu chị N1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền nêu trên.

**- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng đối với anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Anh Trần Thanh P trả cho Chị Hà Thị N số tiền 197.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật; đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay bị đơn đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ giao dịch vay tài sản, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại bản tự khai (bút lục số 28) và biên bản lấy lời khai (bút lục số 34) chị Ngô Kim N1 trình bày không biết việc anh P vay của chị N số tiền 197.000.000 đồng, không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng anh P; mặc khác chị N cũng thừa nhận giao dịch vay tiền chị N1 không biết, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N không có yêu cầu khởi kiện với chị N1; nên có cơ sở xác định chị N1 không liên quan, không có trách nhiệm liên đới đối với số tiền nợ này; do vậy Hội đồng xét xử không đưa chị Ngô Kim N1 vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn tài liệu do nguyên đơn cung cấp là “Giấy mượn tiền” (bút lục số 48), Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 42A/2020/QĐ-CCTLCC ngày 27-4-2021 (bút lục số 35); mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nhưng anh P cố tình vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện cũng như đối với tài liệu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ khác nên Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, ngày 23-6-2020 giữa chị N và anh P có giao kết hợp đồng vay tài sản, anh P ghi nội dung họ tên, số tiền vay, thời hạn trả và ký trên “Giấy mượn tiền”; anh P không có văn bản phản đối. Như vậy, có cơ sở xác định giữa chị N và anh P đã thực hiện giao dịch vay tài sản với nhau là thật nên xác định “Giấy mượn tiền” (bút lục số 48) do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ có giá trị chứng minh tình tiết khách quan của vụ án theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Nội dung “Giấy mượn tiền” thể hiện ngày 23-6-2020 anh P có vay chị N số tiền 197.000.000 đồng; anh P không cung cấp được tài liệu nào thể hiện đã trả được khoản tiền nào cho chị N từ sau ngày 23-6-2020 cho đến nay; vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét khấu trừ bất cứ khoản tiền nào vào số nợ phát sinh của anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy chị N khởi kiện yêu cầu anh P trả số tiền 197.000.000 đồng là có căn cứ và hợp pháp được chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thấy rằng: Giấy mượn tiền giữa các bên thỏa thuận hạn trả là 01 tháng, mức lãi suất không xác định rõ chỉ ghi theo lãi suất Ngân hàng; nên đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi; chị N yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; được tính như sau: Số tiền 197.000.000 đồng tính từ ngày 23-6-2020 đến ngày 29-11-2021 là 17 tháng 06 ngày, với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 28.236.666 đồng.

[3] Như vậy, anh P phải có trách nhiệm trả cho chị N tổng số tiền là 225.236.666 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể: 225.236.666 đồng X 5% = 11.261.833 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Hà Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với Anh Trần Thanh P.

Anh Trần Thanh P có trách nhiệm trả cho Chị Hà Thị N số tiền 225.236.666 (hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng; bao gồm: Nợ gốc 197.000.000 (một trăm chín mươi bảy triệu) đồng và tiền lãi là 28.236.666 (hai mươi tám triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

Ghi nhận Chị Hà Thị N không yêu cầu chị Ngô Kim N1 (vợ Anh Trần Thanh P) có trách nhiệm liên đới đối với số tiền trên.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Anh Trần Thanh P phải chịu 11.261.833 (mười một triệu hai trăm sáu mươi một ngàn tám trăm ba mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Hà Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Chị Hà Thị N số tiền tạm ứng án phí 4.925.000 (bốn triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0005632 ngày 16 tháng 3 năm 2021.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- THADS Huyện D;
- Đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Trần Thanh Tông**

